TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 278/2019/QĐ-PT	*Tiền Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
HUỶ BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Toàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Ông Nguyễn Thanh Triều

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 114/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo như sau:

Ngày 06/8/2019 bị đơn anh Nguyễn Duy B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 114/2019/DS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu phạt cọc của anh Nguyễn Thành L.

XÉT THẤY:

Ngày 08 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn là ông Nguyễn Thành L có văn bản xin được rút toàn bộ đơn khởi kiện.

Ngày 08 tháng 9 năm 2019 bị đơn là ông Nguyễn Duy B có văn bản xin được rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm (ngày 10 tháng 10 năm 2019), ông Nguyễn Thành L và ông Nguyễn Duy B đều vắng mặt. Việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn rút yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Ngày 10/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang nhận được đơn của ông Nguyễn Duy B đề ngày 08/9/2019 xin miễn giảm án phí sơ thẩm, phúc thẩm, được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố M xác nhận anh B có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định giảm 50% án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho anh Nguyễn Duy B.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 114/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 263/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng đặt cọc"giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: C N, khu phố B, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: B Khu phố M, phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Trần Thanh P, sinh năm 1983. (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1976. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1961. (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, thị xã G, Tiền Giang.

2. Về án phí :

- Án phí sơ thẩm:

+ Ông Anh Nguyễn Duy B phải chịu 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Thành L số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) mà anh Nguyễn Thành L đã tạm ứng theo biên lai số 43117 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Duy B phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 43322 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, nên hoàn lại cho anh Bình 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng).*

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 71-DS:

(1) và (2) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên của người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày…. tháng…..năm…. nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Quyết định về việc chịu án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự.